

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Mã chứng khoán: L61



LILAMA 69-1

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1



Số: 04 /QĐ-HĐQT

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 69-1

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần LILAMA 69-1;

QUYẾT ĐỊNH

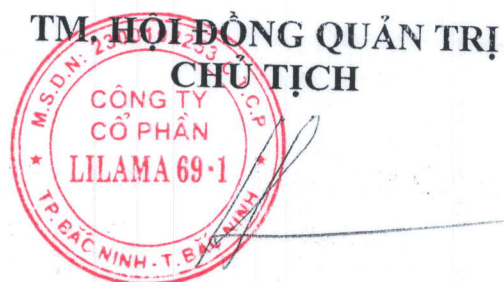
Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần LILAMA 69-1”.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 117/QĐ-HĐQT ngày 27/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 3: Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TCT LM VN (b/c)
- Đảng ủy công ty
- Ban kiểm soát
- Lưu: HĐQT



Phạm Đình San

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/QĐ-HĐQT ngày 10/05/2021
của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần LILAMA 69-1)*

Căn cứ vào:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Điều lệ Công ty Cổ phần LILAMA 69-1;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCD ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần LILAMA 69-1.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần LILAMA 69-1

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

b) Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 15 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị là cơ quan có thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty thì trong vòng ba mươi (30) ngày tiếp theo kể từ thời hạn cuối cùng phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn nêu trên thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần phổ thông trở lên có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người có thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Người có thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung họp cổ đông. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải đảm bảo gửi đến cổ đông hoặc đăng trên trang điện tử của Công ty, nêu rõ đường dẫn để cổ đông truy cập được tài liệu họp. Tài liệu họp bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Việc kiến nghị thay đổi, bổ sung chương trình, nội dung họp được thực hiện theo các khoản 4, 5, 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều 16 Điều lệ Công ty.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Căn cứ vào thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông là cá nhân, tổ chức có thể đăng ký tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự. Việc đăng ký thực hiện theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.

h) Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông là biểu quyết trực tiếp tại Đại hội và được quy định theo thể lệ biểu quyết của đại hội. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội được thực hiện bằng hai phương thức: biểu quyết bằng giơ thẻ biểu quyết và biểu quyết bằng bỏ phiếu.

Đại hội sẽ bầu Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu các vấn đề biểu quyết tại Đại hội.

k) Cách thức bỏ phiếu:

- Đối với biểu quyết bằng giơ thẻ, cổ đông dùng thẻ biểu quyết được Đại hội phát để biểu quyết các nội dung chủ tọa Đại hội yêu cầu.

- Đối với biểu quyết bằng bỏ phiếu, Ban tổ chức Đại hội sẽ phát cho mỗi cổ đông hoặc đại diện ủy quyền dự họp một phiếu biểu quyết có tên của cổ đông hoặc người được ủy quyền cùng với số cổ phần có quyền biểu quyết. Người biểu quyết sau ghi các ý kiến biểu quyết sẽ bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu để Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu.

l) Cách thức kiểm phiếu:

- Đối với việc biểu quyết bằng giơ thẻ: Nếu tất cả cổ đông dự họp giơ thẻ biểu quyết thống nhất theo một ý kiến cho nội dung nào đó, như vậy đồng nghĩa là nội dung đó được Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu sẽ không thu thẻ biểu quyết để kiểm phiếu. Nếu một nội dung nào đó mà các cổ đông dự họp biểu quyết với hai ý kiến khác nhau trở lên, Ban kiểm phiếu sẽ thu thẻ biểu quyết của từng ý kiến biểu quyết theo ba loại: đồng ý, không đồng ý, ý kiến khác. Căn cứ vào kết quả tỷ lệ biểu quyết từng loại ý kiến sẽ xác định nội dung đó có được Đại hội thông qua hay không.

- Đối với việc biểu quyết bằng bỏ phiếu: Ban kiểm phiếu tiến hành phát và thu phiếu biểu quyết trước sự chứng kiến của các cổ đông dự họp. Ngay sau khi các cổ đông hoàn thành việc bỏ phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thực hiện việc kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát đương nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu do Ban tổ chức chuẩn bị sẵn với nội dung theo đúng quy định hiện hành.

m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc Đại hội.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Điều lệ Công ty.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ Công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 4 Điều 23 Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Điều lệ Công ty.

b) Các trường hợp sau đây không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;
- Tăng hoặc giảm vốn điều lệ Công ty;
- Định hướng phát triển Công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

a) Thẩm quyền triệu tập họp, lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp, thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện như các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này.

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng:

- Đối với cổ đông đăng ký dự họp trực tiếp thì thực hiện như điểm g khoản 2 Điều này.

- Đối với cổ đông đăng ký dự họp trực tuyến phải đăng ký thông tin số điện thoại di động, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác và chịu trách nhiệm về tính chính xác này. Những thông tin này là cơ sở để Ban tổ chức Đại hội gửi tài liệu, tài khoản truy cập, hướng dẫn cách tham dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của Đại hội trực tuyến. Cổ đông đăng ký dự họp

có trách nhiệm bảo mật tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Ban tổ chức Đại hội cung cấp. Cổ đông phải đảm bảo tham dự Đại hội suốt chương trình của Đại hội.

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều 16 Điều lệ Công ty.

d) Điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- Đối với cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp trực tiếp thì hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội được thực hiện như điểm i khoản 2 Điều này.

- Đối với cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự họp trực tuyến thì hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội được thực hiện qua bỏ phiếu điện tử. Ban tổ chức Đại hội hướng dẫn chi tiết việc thực hiện bỏ phiếu điện tử trong tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông. Việc bỏ phiếu, biểu quyết điện tử có giá trị như việc biểu quyết, bỏ phiếu tại Đại hội trực tiếp.

e) Cách thức bỏ phiếu và cách thức kiểm phiếu

- Đối với cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự trực tiếp thực hiện như điểm k và điểm l khoản 2 Điều này.

- Đối với cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự trực tuyến thực hiện theo hướng dẫn, thể lệ bỏ phiếu điện tử do Ban tổ chức Đại hội quy định.

Đại hội đồng cổ đông được tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến thì kết quả bỏ phiếu là kết quả tổng hợp sau khi kiểm phiếu của cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến.

h) Thông báo kết quả kiểm phiếu, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện như các điểm n, p, q khoản 2 Điều này.

i) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 153, Điều 159 Luật Doanh nghiệp; khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán; Điều 277, Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; Điều 27 Điều lệ Công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có tối thiểu một (01) người.

Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

* Không thuộc đối tượng sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- Người giữ chức vụ Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bị tuyên bố phá sản (trừ trường hợp phá sản do bất khả kháng);

- Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản trừ trường hợp phá sản do bất khả kháng);

- Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản (trừ trường hợp phá sản do bất khả kháng) mà cố ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật Phá sản, đang trong thời hạn bị tòa án tuyên bố cấm làm người quản lý tại doanh nghiệp khác.

- Các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

* Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

* Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) công ty khác;

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty khi ứng cử, đề nghị gửi hồ sơ đề cử, ứng cử (văn bản đề cử, cam kết của ứng viên, thông tin của ứng viên) về người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc Đại hội mười lăm (15) ngày.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;

- Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông mười (10) ngày làm việc;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị:

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù

lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

* Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

* Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

* Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

* Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

* Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông

báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

* Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

* Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

* Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

* Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

* Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

* Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

* Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

Khi cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. Việc thành lập tiểu ban phải nêu rõ vai trò, trách nhiệm thẩm quyền của tiểu ban và từng thành viên trong tiểu ban; nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị; việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

a) Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá năm (05) năm.

b) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:

- Có am hiểu về pháp luật;
- Hiểu về lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Hội đồng quản trị.

c) Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

d) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định hiện hành của pháp luật về lao động và Luật Doanh nghiệp.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của Công ty và pháp luật về chứng khoán.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

a) Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính cũng như thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và bán niên của Công ty.

b) Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
 - Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
 - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- c) Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:
- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - Trường hợp vi phạm quy định tại các nội dung nêu trên của điểm c, khoản 1 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
 - Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát:

a) Ban Kiểm soát có ba (03) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c) Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

d) Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp:

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

4. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo Điều 36 Điều lệ Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty khi ứng cử, đề nghị gửi hồ sơ đề cử, ứng cử (văn bản đề cử, cam kết của ứng viên, thông tin của ứng viên) về người triệu tập Đại hội đồng cổ đông trước khi khai mạc Đại hội mười (10) ngày làm việc.

5. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát:

Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

7. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của Công ty và pháp luật về chứng khoán.

8. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

a) Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b) Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

- Thực hiện trách nhiệm người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

- Tuyển dụng lao động;

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

* Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp:

- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước nắm 100% vốn điều lệ, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

- Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

* Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

* Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

* Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

c) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc bằng việc ký kết hợp đồng lao động.

d) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, đối với Tổng Giám đốc theo quy định tại Quy chế công bố thông tin của Công ty và pháp luật về chứng khoán.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và phải được công bố theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Các cuộc họp có sự tham gia của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc được tổ chức ít mỗi quý một lần.

Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời họp cho Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi cho các thành viên dự họp ít nhất trước ba (03) ngày diễn ra cuộc họp.

Biên bản, thông báo kết quả cuộc họp được gửi đến đồng thời cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc.

Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều phải được gửi đến cho Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc chậm nhất là ba (03) ngày sau khi ban hành.

c) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Tổng giám đốc đề nghị tổ chức họp Hội đồng quản trị khi cần xin ý kiến Hội đồng quản trị thông các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Tài liệu để tổ chức họp phải được gửi cho Hội đồng quản trị ít nhất là trước ba (03) ngày diễn ra cuộc họp.

d) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

Tổng giám đốc phải thực hiện việc báo cáo định kỳ hoặc đột xuất các vấn đề được Hội đồng quản trị giao thực hiện theo quy định về báo cáo hoặc theo vấn đề do Hội đồng quản trị yêu cầu.

đ) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Tại các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị có sự tham dự của Tổng giám đốc, theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

e) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quy định về chế độ báo cáo của Hội đồng quản trị và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát vì tính minh bạch, trách nhiệm và lợi ích chung của Công ty.

g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

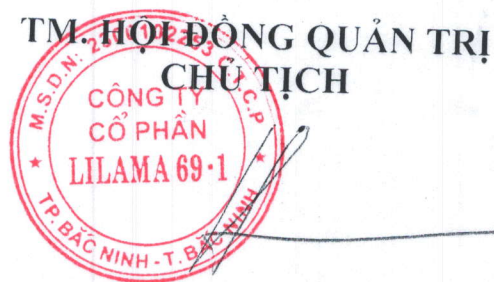
Hàng năm, Hội đồng quản trị phải có báo cáo đánh giá về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát phải có báo cáo đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát. Tổng giám đốc phải có báo cáo đánh giá về Ban điều hành và từng thành viên trong Ban điều hành. Các báo cáo này phải được trình bày trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

Căn cứ vào kết quả hoạt động hàng năm, tư cách và tinh thần làm việc của từng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có thể đề xuất khen thưởng cho các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành để Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Khi có thành viên vi phạm, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Hội đồng quản trị xem xét xử lý kỷ luật đối với tập thể hoặc thành viên Ban điều hành; Đại hội đồng cổ đông xem xét xử lý kỷ luật đối với tập thể hoặc thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Mức kỷ luật áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần LILAMA 69-1 bao gồm bảy (07) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2021. Quy chế này thay thế cho Quy chế quản trị Công ty được ban hành theo Quyết định số 117/QĐ-HĐQT ngày 27/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty./.



Phạm Đình San